

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 03-12-2021

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Dũng

Bà Lưu Thị Thiện Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12a/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Thiện P**, sinh năm: 197x

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 197x

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 198x

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D.K, Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 197x

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn ông Ngô Thiện P trình bày:*

Ông (Ngô Thiện P) và ông Nguyễn Văn S là bạn bè làm ăn với nhau; ông bán sắt thép cho ông S nhiều lần. Ngày 20/9/2019, ông bán cho ông S 2.051 kg thép cuộn D6MN, 350 cây thép D10, 280 cây thép D16 với số tiền là 133.339.250 đồng;

đồng thời, các bên xác nhận số tiền ông S còn nợ của lô hàng trước đó là 162.765.557 đồng; tổng cộng còn nợ 296.104.807 đồng và ông S cam kết thanh toán dứt điểm số tiền này trong tháng 10/2019; việc này được thể hiện tại Phiếu giao nhận hàng ngày 20/9/2019. Nhưng sau đó, ông S không thanh toán số tiền còn nợ như cam kết; chỉ trả được 152.000.000 đồng, cụ thể ngày 14/11/2019 thanh toán 122.000.000 đồng; ngày 18/11/2019 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 22/11/2019 thanh toán 10.000.000 đồng; số tiền ông S chưa thanh toán là 144.104.807 đồng. Do ông S không trả nợ đúng như cam kết nên ông có điện thoại yêu cầu ông S phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán từ ngày 01/12/2019 cho đến khi trả xong, nhưng không nói rõ mức lãi suất.

Việc mua bán sắt thép nêu trên là việc mua bán cá nhân giữa ông và ông S, không có liên quan đến công ty, tổ chức, cá nhân nào khác. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Mỹ L không biết, không tham gia vào giao dịch mua bán sắt thép giữa ông và ông S.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền nợ mua sắt thép là 144.104.807 đồng và trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ chưa thanh toán nêu trên, với mức lãi suất là 1,6%/tháng, kể từ ngày 01/12/2019 đến ngày 28/02/2021 là 15 tháng số tiền là 34.585.154 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; cụ thể yêu cầu bị đơn ông S phải thanh toán số tiền nợ mua sắt thép là 144.104.800 đồng (làm tròn) và trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ chưa thanh toán nêu trên. Do ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận trả tiền lãi chậm trả nên ông chỉ yêu cầu ông S trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng, kể từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2021 là 23 tháng số tiền là 27.509.600 đồng (làm tròn). Ông yêu cầu ông S phải thanh toán toàn bộ số tiền hai khoản nêu trên là 171.614.400 đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông (Nguyễn Văn S) thống nhất với ý kiến trình bày của ông P về thời gian, nội dung, số lượng, số tiền các bên thỏa thuận mua bán sắt thép. Ông thừa nhận ông P đã giao đủ sắt thép cho ông; ông có ký xác nhận số tiền còn nợ 296.104.807 đồng và cam kết thanh toán trả dứt điểm số tiền này trong tháng 10/2019 vào phiếu giao nhận hàng ngày 20/9/2019 mà ông P đã cung cấp cho Tòa án. Do khó khăn về kinh tế nên ông không trả tiền đúng như cam kết; tính đến ngày 22/11/2019 chỉ trả được 152.000.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền nợ 144.104.800 đồng theo yêu cầu của ông P nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Ông không đồng ý với yêu cầu của ông P về việc yêu cầu ông phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ chưa thanh toán nêu trên, vì giữa ông và ông P không có thỏa thuận gì về việc này.

Việc mua bán sắt thép nêu trên là việc mua bán cá nhân giữa ông và ông P, không có liên quan đến công ty, tổ chức, cá nhân nào khác. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh H không biết, không tham gia vào giao dịch mua bán này.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:* Bà (Nguyễn Thị Mỹ L) là vợ của ông Ngô Thiện P. Việc mua bán sắt thép giữa ông P với ông S cụ thể thế nào thì bà không biết. Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông P.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:* Bà (Nguyễn Thị Thanh H) là vợ của ông Nguyễn Văn S. Việc mua bán sắt thép giữa ông S với ông P cụ thể thế nào thì bà không biết. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông S. Bà không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án này.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 434, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thiện P về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn S trả số tiền 144.104.800 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, với mức lãi suất 10%/năm; phương thức và thời hạn thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành việc xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về nội dung thanh toán tiền lãi chậm trả. Xét nội dung thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định ông P có bán sắt thép cho ông S nhiều lần. Ngày 20/9/2019, ông P bán sắt thép cho ông S với số tiền là 133.339.250 đồng; đồng thời, các bên xác nhận số tiền ông S còn nợ của lô hàng trước đó là 162.765.557 đồng; tổng cộng còn nợ 296.104.807 đồng và ông S cam kết thanh toán nợ dứt điểm trong tháng 10/2019. Nhưng đến ngày 22/11/2019, ông S chỉ trả 152.000.000 đồng và còn nợ ông P 144.104.807 đồng. Như vậy, ông S đã vi phạm thời gian thanh toán tiền nợ cho ông

P. Do đó, ông P yêu cầu ông S thanh toán số tiền nợ 144.104.800 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của nguyên đơn ông P đối với bị đơn ông S: Tại phiên tòa, ông P yêu cầu ông S phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán 144.104.800 đồng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2021 là 23 tháng với số tiền 27.509.600 đồng. Ông S không đồng ý trả tiền lãi chậm trả cho ông P vì cho rằng các bên không có thỏa thuận. Xét thấy, tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này. Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định: Nếu không có thỏa thuận thì lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; theo đó, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 20%/năm) tức là 10%/năm (0,83%/tháng). Do đó, việc ông P yêu cầu ông S trả tiền lãi chậm trả 27.509.600 đồng nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

[3.3]. Về phương thức và thời hạn thanh toán: Nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn ông S phải thanh toán toàn bộ 171.614.400 đồng số tiền nợ chưa trả và tiền lãi chậm trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật; không đồng ý cho bị đơn trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng theo ý kiến của bị đơn nên bị đơn phải trả toàn bộ số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 8.580.700 đồng (171.614.400 đồng x 5%). Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 353, 357, 430, 431, 433, 434, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thiện P.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông Ngô Thiện P 171.614.400 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng); trong đó, 144.104.800 đồng tiền nợ chưa thanh toán và 27.509.600 đồng tiền lãi chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.580.700 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi nghìn bảy trăm đồng).

2.2. Hoàn lại cho nguyên đơn ông Ngô Thiện P 4.467.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002179 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Ngô Thiện P, bị đơn ông Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín